TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 263/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 11 năm 2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp;

2.Ông Nguyễn Văn Chiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày13 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 784/ 2019/ HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 814/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các Đ sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Mỹ A, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Mai Mỹ A trình bày tại đơn khởi kiện và phiên tòa như sau: Chị và anh Lê Văn Đ chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2008 chị và anh Đ mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc vợ con, anh Đ thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Chị nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung, tên Lê Vũ Đ (nam), sinh ngày 08/8/2007, cháu hiện đang sống cùng với chị. Hiện Lê Vũ Đ bị bệnh chậm phát triển, hạn chế khả năng giao tiếp nên khi ly hôn chị xin được nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đối với anh Lê Văn Đ: Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Mai Mỹ A và anh Lê Văn Đ được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Mai Mỹ A và anh Lê Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị A cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên ghen tuông vô cớ và có hành vi đánh đập chị, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, chị đã có gửi đơn xin ly hôn vào tháng 5/2019 sau đó anh Đ hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện anh Đ vẫn không sửa đổi nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Hiện chị và anh Đ đã ly thân không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Vì vậy, chị xác định không thể tiếp tục sống chung với anh Đ và yêu cầu được ly hôn. Trong khi đối với anh Đ trong suốt thời gian chị A yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì anh Đ không đến Tòa án để hòa giải cũng không gửi ý kiến của mình đến Tòa án, điều đó chứng tỏ anh Đ cũng không có ý thức hàn gắn. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị A anh Đ thực tế mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân tiếp tục kéo dài cũng không hạnh phúc nên yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn với anh Đ được chấp nhận.

[3] Về con chung, chị A và anh Đ có 01 con chung tên Lê Vũ Đ (nam), sinh ngày 08/8/2007 cháu hiện đang sống cùng với chị A. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Đăng. Do cháu bị bệnh chậm phát triển, hạn chế khả năng giao tiếp nên không thể hiện ý kiến nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Đ đang bị bệnh, từ nhỏ đến nay chị A là người trực tiếp chăm sóc, anh Đ cũng không có ý kiến thể hiện việc yêu cầu nuôi cháu Đ. Cho nên tiếp tục giao Lê Vũ Đ cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị A không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đ vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị A xác định chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị A khai không nợ ai. Phần người khác nợ lại anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Mỹ A về việc xin ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Giao 01 con chung Lê Vũ Đ (nam), sinh ngày 08/8/2007 cháu hiện đang sống cùng với chị A cho chị Mai Mỹ A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị A, anh Đ tự thoả thuận, không xem xét.

Về nợ chung: chị A khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Mai Mỹ A phải chịu. Chị A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0000758 vào ngày 11/9/2019, được đối trừ, chị A đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã L, thành phốM , tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.